TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** ----------

Bản án số: 05/2018/HNST
Ngày 08/02/2018
Về việc: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Kim Loan.
2. Ông Nguyễn Chí Cường.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2018/TLST – HN ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2017/QĐST – DS ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1996 (có mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1995 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau năm 2014 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T1 không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè say về chửi mắng đánh chị T. Chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi, cuối năm 2015 chị T và anh T1 đã sống ly thân không còn liên lạc qua lại cho đến nay.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T2, sinh ngày 26/10/2015, hiện cháu T2 đang sống cùng chị T. Tòa cho ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tống đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho tòa án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa cùng ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là tranh chấp "xin ly hôn".

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Xét thấy anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước triệu tập hợp lệ đến phiên xét xử lần thứ hai nhưng anh T1 không đến tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T1.

[4] Về hôn nhân: Chị T2 xin ly hôn với anh T1 vì trong quá trình chung sống anh T1 không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè say về chửi mắng đánh chị T. Chị T đã khuyên nhiều lần nhưng anh T1 không sửa đổi, cuối năm 2015 chị T và anh T1 đã sống ly thân không còn liên lạc qua lại cho đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 lúc mới phát sinh là không lớn nhưng anh chị không tìm cách khắc phục để kéo dài ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Chị T xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1 nhưng anh không đến tham dự phiên tòa cũng không có gửi ý kiến. Như vậy, cho thấy anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T nên cần xem xét cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Trần Ngọc T2, sinh ngày 26/10/2015. Xét yêu cầu về con chung của chị T là phù hợp vì chị T là người đang trực tiếp chăm sóc con chung từ khi anh T1 bỏ đi đến nay, để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của hai cháu không bị xáo trộn cần để chị

T tiếp tục nuôi dưỡng. Khi cần thiết vì quyền lợi của hai cháu chị T hoặc anh T1 có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

[6] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẻ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Văn T2.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Ngọc T2, sinh ngày 26/10/2015 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị T chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. **Về án phí**: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 18875 ngày 16/10/2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy chị T đã nộp xong án phí.

3. **Về quyền kháng cáo**: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh Nguyễn Văn T1 thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày tòa tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Tính

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CC.THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã L1, P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.